

THƯỜNG THỨC TRUNG QUỐC HỌC

HAI PHƯƠNG PHÁP PHÂN LOẠI SÁCH SỬ CỦA GIỚI SỬ HỌC TRUNG QUỐC

Một đặc điểm nổi bật của văn hóa Trung Quốc là sùng cổ trọng sử. “Coi lịch sử như tấm gương soi” (Dĩ sử vi giám) hầu như là giáo điều được giai tầng thống trị phong kiến qua các triều đại tuân theo. Bởi vậy, việc biên soạn sách sử qua các thời là vô cùng quan trọng. Tương truyền, ngay từ thời Hoàng Đế đã có sử quan, chuyên trách biên soạn sử. Đến thời Chu, trung ương lập ra chức “Thái sử”, coi giữ thiên văn lịch pháp và ghi chép lịch sử. Tư Mã Thiên và cha ông là Tư Mã Đàm đều từng đảm nhiệm chức quan “Thái sử lệnh” thời Hán Vũ đế. Công việc biên soạn sử cứ nối tiếp liên tục qua các đời như vậy khiến sách sử của Trung Quốc cực kỳ phong phú, sử học vô cùng phát triển. Sách sử hiện còn đến nay, có lẽ rất khó có thể thống kê hết. Để phân loại số lượng sách hết sức lớn kể trên, giới sử học Trung Quốc có hai phương pháp chủ yếu là: 1/ Xét thể tài mà nó sử dụng. Theo cách này, sách sử có thể chia thành 3 loại lớn là “Thể biên niên”, “Thể truyện ký” và “Thể ký

sự bản末” (Thể ghi chép đầu đuôi sự việc; 2/ Xét nội dung ghi chép của sách sử, thì có thể phân thành 5 loại là “Chính sử”, “Thực lục”, “Chế độ sử”, “Tập sử” và “Truyện ký”.

Trước hết, xét từ phương diện thể tài, gồm 3 loại:

1/ “Thể biên niên”: Có thể coi *Xuân Thu* (lịch sử nước Lỗ) là tác phẩm khởi đầu, và bộ *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang là tiêu biểu. Hai tác phẩm này ghi chép các sự kiện lịch sử theo thể biên niên, đồng thời xen lẫn bình luận, nhằm tổng kết những bài học kinh nghiệm lịch sử. *Xuân Thu* ghi chép lịch sử, bắt đầu từ năm 722 trước CN (Lỗ Ẩn Công), kết thúc năm 481 trước CN (Lỗ Ai Công), tổng cộng là 241 năm lịch sử nước Lỗ. Tư Mã Quang thời Tống theo cách làm của *Xuân Thu*, đã cùng một số nhà sử học nổi tiếng đương thời biên soạn bộ *Tư trị thông giám* với mục đích viết về “Việc thiện có thể làm phép tắc, việc ác có tác dụng răn đe” (Thiện khả vi pháp, ác khả vi giới), tức lấy những bài học lịch sử làm tấm gương cho giới cầm quyền

đương thời cai trị thiên hạ. Bộ sách này viết về lịch sử trong 1362 năm, từ năm 403 trước CN (Uy Liệt Vương thời Chu) cho mãi đến năm 959 sau CN – năm kiến lập triều Tống. Sau *Tư trị thông giám*, có rất nhiều tác phẩm sử học theo thể biên niên tiếp tục xuất hiện, như: *Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý Đào thời Tống, ghi chép lịch sử từ năm 960 đến năm 1126. Với tư cách nhà sử học bình dân, Đàm Thiên thời cuối Minh đầu Thanh đã bỏ ra hơn 30 năm để biên soạn bộ biên niên sử *Quốc Xác*, viết về triều đại nhà Minh, khởi đầu từ năm 1328 và kết thúc năm 1645. Chẳng ngờ, bản thảo vừa hoàn thành thì bị trộm lấy đi tất cả. Sau nỗi đau cùng cực, ông quyết tâm viết lại từ đầu. Kết quả, bản thảo lần thứ hai lại hay hơn bản bị trộm! Thời Thanh, có *Tục tư trị thông giám* của Tất Nguyên, viết lịch sử từ năm 960 đến năm 1368.

2/ “Thể truyện ký”: Giới sử học Trung Quốc nhất trí coi danh trước *Sử ký* của Tư Mã Thiên là tác phẩm khởi đầu. Sau đó, các đời nối nhau noi theo, trở thành thể tài của những bộ chính sử ở Trung Quốc. Đối tượng chủ yếu được chính sử đề cập là con người (dĩ nhân vi cương), xen kẽ với các sự kiện lịch sử, đồng thời có những chương riêng ghi chép chế độ điển chương. Có thể nói, nếu thể biên niên ghi chép lịch sử theo chiều dọc, thì thể truyện ký ghi chép lịch sử theo chiều ngang. Về cách viết cụ thể của thể truyện ký, *Sử ký* lần đầu tiên đưa ra cách bố cục, gồm “Bản kỷ” (Ghi chép sự

tích các đế vương); “Niên biểu” (Trình bày giản lược các sự kiện lớn và nhân vật lịch sử theo năm tháng); “Thế gia” (Ghi chép sự tích các danh nhân và chư hầu); “Thư” (Ghi chép về chế độ điển chương. Sau này, *Hán thư* đổi thành “Chí”); “Liệt truyện” (Ghi chép về các nhân vật lịch sử khác). Sau *Sử ký* của Tư Mã Thiên, trong suốt gần 2000 năm – từ thời Hán đến sau thời Thanh – đã có rất nhiều tác phẩm sử học viết theo thể tài này, mà mở đầu là *Hán thư* của Ban Cố, và kết thúc ở tác phẩm *Tân Nguyên sử* - hoàn thành năm 1920. Công việc biên soạn một số tác phẩm trên, lúc đầu đều do cá nhân mỗi nhà sử học tiến hành, nhưng bắt đầu từ Thảm Ước thời Nam triều (420-589), việc biên soạn sử phải được hoàng đế hạ chiếu, và thường do Tể tướng hoặc sử quan chịu trách nhiệm tổ chức nhóm biên tập. Cũng có khi, đích thân hoàng đế bổ nhiệm một nhóm các nhà sử học cùng phụ trách biên soạn; cách làm này thấy rõ nhất ở thời Đường, vì thế, sách sử được viết ra vào thời này cũng nhiều nhất. Sự thay đổi trên phản ánh thái độ trọng thị ngày càng cao đối với công việc biên soạn sử của nhà nước phong kiến, chứng tỏ giai tầng thống trị đã coi việc viết sử như đại sự quan trọng nhất để cai trị quốc gia.

3/ “Thể ký sự bản末”: Đối tượng chủ yếu được nó đề cập lại là những sự kiện lịch sử, sử liệu được sắp xếp theo từng loại, mỗi loại ghi chép một sự kiện lịch sử lớn, có thể thành một thiên độc lập. Cách viết này có thể khắc phục được

khuyết điểm của thể biên niên: “Cùng một sự kiện nhưng lại được viết ở nhiều quyển, khó theo dõi đầu đuôi sự việc”; và của thể truyện ký: “Cùng một sự kiện nhưng thấy ở nhiều thiên, thật khó phân biệt chính tà”. Người đầu tiên sáng tạo ra thể tài này là nhà sử học Viên Xu thời Nam Tống. Theo ông, *Tứ trị thông giám* bao gồm 294 quyển là quá nhiều, rất khó để tra cứu, bèn nghĩ ra cách viết mới, chỉ chủ yếu đề cập sự kiện lịch sử (Dĩ sự vi cương), theo nhiều đề mục khác nhau. Cụ thể, ông đã cải biên *Tứ trị thông giám* thành *Thông giám ký sự bản mật*, bao gồm 239 chuyên đề, từ đó ông đã sáng tạo ra một thể tài sử học mới. Các triều đại về sau, liên tục xuất hiện nhiều tác phẩm sử học viết theo thể tài này, thí dụ như: *Tống sử ký sự bản mật*, *Nguyên sử ký sự bản mật* của Trần Bang Chiêm thời Minh; *Tả truyện ký sự bản mật* của Cao Sĩ Kỳ thời Thanh; *Liêu sử ký sự bản mật*, *Kim sử ký sự bản mật*, *Minh sử ký sự bản mật*, và *Thanh sử ký sự bản mật* của các học giả khác.

Tiếp theo, xét từ phương diện nội dung, gồm 5 loại:

Loại thứ nhất là “Chính sử”: Trong lịch sử sử học Trung Quốc trước thời Thanh, việc phân biệt thể loại chính sử với các thể loại sử khác (như với các thể loại thông sử thể biên niên, đồng đại sử thể biên niên, thông sử thể truyện ký, đồng đại sử thể truyện ký...) là hoàn toàn không có tiêu chuẩn nhất trí. Do đó trong thời gian rất dài, giới hạn giữa các thể loại trên rất khó minh định. Đến

thời Càn Long triều Thanh, khi biên soạn *Tứ khố toàn thư tổng mục*, hoàng đế Càn Long mới xác định, coi các bộ sử thể truyện ký là chính sử, và ban bố chiếu thư quy định “24 bộ sử” (nhị thập tứ sử) là chính sử Trung Quốc, gồm có: *Sử ký*, *Hán thư*, *Hậu Hán thư*, *Tam quốc chí*, *Tấn thư*, *Tống thư*, *Nam Tề thư*, *Lương thư*, *Trần thư*, *Ngụy thư*, *Bắc Tề thư*, *Chu thư*, *Tùy thư*, *Nam sử*, *Bắc sử*, *Cựu Đường thư*, *Tân Đường thư*, *Cựu Ngũ đại sử*, *Tân ngũ đại sử*, *Tống sử*, *Liêu sử*, *Kim sử*, *Nguyên sử*, *Minh sử*. Năm 1921, chính phủ quân phiệt Bắc Dương lại ban lệnh, bổ sung bộ *Tân Nguyên sử* là chính sử.

Loại thứ hai là “Thực lục”, gồm những bộ sử chuyên ghi chép trung thực lời nói và việc làm của các bậc đế vương, nên gọi là “thực lục”. Thể loại này có nguồn gốc từ loại sách “Khởi cư trú” xuất hiện vào triều Hán, với cuốn *Cấm trung khởi cư trú* thời Hán Vũ đế. Theo ghi chép trong *Tùng thư*, loại sách thực lục xuất hiện sớm nhất ở Trung Quốc là hai cuốn *Lương hoàng đế thực lục* thời Nam – Bắc triều, lần lượt ghi chép lời nói và hành động của Lương Vũ đế và Lương Nguyên đế. Đáng tiếc, cả hai cuốn này đã mất. Hiện nay, còn một số bộ khởi cư trú và thực lục là: *Đại Đường sáng nghiệp khởi cư trú* của Ôn Đại Nhã thời Đường, ghi chép về quá trình cha con Lý Uyên, Lý Thế Dân khởi binh từ Thái Nguyên đến khi kiến lập triều Đường. Bắt đầu từ Đường Cao tổ Lý Uyên, mỗi hoàng đế triều Đường đều có thực lục, nhưng đến

nay chỉ còn *Thuận tông thực lục* do Hàn Dũ viết. Thực lục của các hoàng đế triều Tống hầu như đều đã mất, hiện chỉ còn giữ được một phần nhỏ của *Thái Tông thực lục*. *Minh thực lục* và *Thanh thực lục* hiện vẫn còn đầy đủ, được lưu giữ ở Đại lục và Đài Loan.

Loại thứ ba là “Chế độ sử”, chuyên ghi chép chế độ điển chương qua các thời. Loại sách này có giá trị tham khảo rất cao đối với việc nghiên cứu lịch sử chế độ và lịch sử đồ dùng trong lịch sử văn hóa Trung Quốc. Người sáng tạo ra loại sách sử này là nhà sử học Đỗ Hựu thời Đường, khi ông đã bỏ ra hơn 30 năm để hoàn thành bộ *Thông điển*, khởi đầu từ thời viễn cổ và kết thúc vào thời Đường Túc Tông. Trong bộ sách này, Đỗ Hựu phân chia chế độ điển chương qua các thời thành 8 “Điển” là: “Thực hóa” (Ghi chép về chế độ tài chính, ruộng đất); “Tuyển cử” (Về chế độ khoa cử tuyển sĩ và chế độ khảo hạch quan lại); “Chức quan” (Về chế độ quan lại); “Lễ” (Về chế độ lễ nghi); “Nhạc” (Về chế độ nhạc); “Binh hình” (Về chế độ quân sự và hình pháp); “Châu quận” (Về sự thay đổi địa lý); “Biên phòng” (Về các nước láng giềng). Bộ *Thông điển* lấy các loại sự kiện lịch sử làm trung tâm, viết theo thứ tự trước sau của các triều đại, không những ghi chép được đầy đủ tư liệu về chế độ điển chương qua các thời, mà còn trưng dẫn rất nhiều bình luận của tiền nhân và quan điểm riêng của bản thân tác giả. Bởi thế, về bộ sử này, người đời sau đã bình luận rằng: “Tỉ mỉ mà không

rườm rà, giản dị mà thích đáng, từng quyển từng quyển đều là thực học, rất hữu dụng”.

Sách sử về chế độ điển chương còn có một loại nữa, gọi là “Hội yếu”, chỉ ghi chép điển chương của một triều đại hay một vài đời, nên có tính chất đồng đại sử. Loại “Hội yếu” được biên soạn từ thời Đường, bắt đầu từ *Hội yếu* do Tô Miện là người đầu tiên viết ra vào thời Đường Đức Tông. Tác phẩm này ghi chép lịch sử trong 9 đời, từ Đường Cao tổ đến Đường Đức Tông. Sau đó, nhóm sử gia do Dương Thiệu Phục đứng đầu viết tiếp *Tục hội yếu*, ghi chép lịch sử từ sau đời Đức Tông. Năm đầu Bắc Tống, với hai tác phẩm trên làm cơ sở, Vương Phổ tiếp tục viết bổ sung chế độ điển chương cuối triều Đường, hoàn thành bộ *Tân biên Đường hội yếu*, tức bộ *Đường hội yếu* còn lại đến nay. Bộ sử này gồm 100 quyển, sử dụng nguồn tư liệu vô cùng phong phú, và được chia thành 14 loại là: Đế hệ, Lễ, Cung điện, Dư phục, Binh, Nhạc, Học hiệu, Hình, Lịch tượng, Phong kiến, Phật đạo, Quan chế, Thực hóa và Tứ duệ. Sau đó, Vương Phổ lại biên soạn *Ngũ đại hội yếu*. Kể từ đó, mới xuất hiện thể loại “Hội yếu” ở các triều đại sau này.

Loại thứ tư là “Tập sử”: Loại sách này rất nhiều, trong đó, có ba cuốn tương đối quan trọng là: *Ngô Việt xuân thu* của Triệu Diệp thời Đông Hán, *Lạc Dương già lam ký* của Dương Huyền Chi thời Bắc Ngụy, *Trình Quán chính yếu* của Ngô Căng thời Đường. *Ngô Việt xuân thu*

ghi chép sự tích của hai nước Ngô – Việt cuối thời Xuân thu, nhưng lại viết xen lẫn vào một số truyền thuyết và nhân vật, khiến cho tác phẩm này như ở giữa hai thể loại sách sử và tiểu thuyết. *Lạc Dương già lam ký* chủ yếu ghi chép về kiến trúc chùa chiền, vườn cảnh ở kinh thành Lạc Dương thời Bắc Ngụy, nhưng khi viết về mỗi ngôi chùa, tác giả lại ghi chép thêm nhiều điển cố có liên quan và đề cập đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa thời Bắc Ngụy, nên có giá trị sử liệu rất cao. *Trinh Quán chính yếu* thì chủ yếu ghi chép về “Thời thịnh trị Trinh Quán” (Trinh Quán chi trị) dưới thời Đường Thái Tông. Cuốn tập sử này có rất nhiều những câu hỏi và đáp giữa vua và quần thần về việc nước, khiến người đọc có thể hiểu được nguyên nhân xuất hiện thời “Trinh Quán chi trị”. Phạm vi tác phẩm đề cập rất rộng, có thể coi như cuốn sách chuyên đề về lịch sử chính trị thời Trinh Quán.

Loại thứ năm là “Truyện ký”: Cũng như “Tập sử”, loại sách sử này có từ thời Hán, với tác phẩm *Liệt nữ truyện* của Lưu Hưởng, ghi chép về gương tiết liệt của phụ nữ thời cổ. Tác phẩm này đã khơi nguồn cho dòng văn học viết về phụ nữ ở Trung Quốc; Thời Nam triều, có tác phẩm *Cao Tăng truyện* của Tuệ Giác, ghi chép về sự tích các đại sư Phật giáo trước thời Lương, là sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Sau đó, có *Tục Cao Tăng truyện* và *Tống Cao Tăng truyện*. Thời Thanh, có *Trù nhân truyện* của Nguyễn Nguyên, là

truyện ký duy nhất viết về các nhà khoa học cổ đại Trung Quốc.

Một điều cần khẳng định, dù chia theo thể tài (gồm 3 loại lớn) hoặc theo nội dung (gồm 5 loại) thì cũng không thể bao quát được hết các loại sách sử trong nền sử học Trung Quốc. Trong các loại thư mục thời xưa, còn có Quốc sử, Ngụy sử, Bá sử, Ngoại sử, Thông sử, Nữ sử, Dật sử, Gia sử, Văn hóa sử... Trong số danh mục phức tạp như vậy, có loại là biệt danh của một trong 8 loại trên; có loại là kết quả sự phân loại nhỏ hơn nữa của một trong 8 loại trên; cũng có một số loại có hàm nghĩa riêng của nó (như “ngụy sử”, “nữ sử...”). Dẫu là như vậy, thì việc quy nạp những tác phẩm sử học theo hai phương pháp trên cũng đã giúp người đọc nắm được một cách đại cương những loại biệt của sách sử Trung Quốc

DUY ĐẠT biên khảo

SÁCH THAM KHẢO

1. Lâm Hán Đạt – Tào Dư Chương: *Lịch sử Trung Quốc 5000 năm*, tập 3 (Bản tiếng Việt, Trần Ngọc Thuận dịch), Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 1997.
2. Trương Hải Bằng chủ biên: *Trung Quốc truyền thống văn hóa luận cương*, An Huy giáo dục xuất bản xã, 1996.
3. Nhiều tác giả: *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1989.
4. Chu Tự Thanh: *Kinh điển thường đàm*, Hoàng Đạo văn hóa sự nghiệp hữu hạn công ty, Đài Bắc, 1971.

